

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2022

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-DCT ngày 27/01/2021 về việc Ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số: 614/QĐ-DCT ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2022;

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2022 như sau:

1. Các ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh:

Stt	Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Kỹ thuật hóa học	8520301	15	
2	Kỹ thuật môi trường	8520320	15	
3	Công nghệ sinh học	8420201	15	
4	Công nghệ thực phẩm	8540101	20	
5	Kỹ thuật cơ khí	8520103	20	
6	Quản trị kinh doanh	8340101	40	
7	Kỹ thuật điện	8520201	20	
8	Tài chính - Ngân hàng	8340201	25	
9	Công nghệ thông tin	8480201	30	
10	Quản trị Khách sạn – Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	8810104	20	

2. Hình thức, thời gian và địa điểm đào tạo:

- Hình thức đào tạo: chính quy;
- Thời gian đào tạo: từ 1,5 đến 02 năm;
- Địa điểm đào tạo: trực tiếp và trực tuyến.

3. Đối tượng dự tuyển:

- Công dân Việt Nam;
- Công dân nước ngoài.

4. Phương thức tuyển sinh:

Xét tuyển theo các tiêu chí:

- Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại mục 6.1 của thông báo này.
- Ưu tiên thí sinh có điểm trung bình tích lũy của bậc đại học từ cao xuống đến khi hết chỉ tiêu;

- Trong trường hợp số thí sinh bằng điểm trung bình tích lũy của bậc đại học cao hơn số chỉ tiêu tuyển sinh, ưu tiên xét tuyển theo tiêu chí thâm niên công tác trong lĩnh vực liên quan đến ngành học (căn cứ theo hợp đồng lao động, thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc xác nhận của đơn vị công tác). Thí sinh có thâm niên cao hơn sẽ trúng tuyển.

- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng thâm niên, ưu tiên thí sinh nữ theo Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/05/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới.

5. Điều kiện dự tuyển: Thí sinh có đủ sức khỏe học tập, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.

5.1. Đối với thí sinh dự tuyển là người Việt nam:

a) Về văn bằng:

Thí sinh dự tuyển phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Thí sinh đã tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường (*Phụ lục 1*);

- Thí sinh đã tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành chưa phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ, đã hoàn thành học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển theo quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường (*Phụ lục 1*);

- Trường hợp thí sinh tốt nghiệp đại học ngành khác: đăng ký dự xét tuyển vào ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính Ngân hàng thì phải có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực quản trị, quản lý (*có xác nhận của đơn vị công tác*) (*Phụ lục 1*);

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

b) Về ngoại ngữ:

Thí sinh dự tuyển phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Nhà trường cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (*Phụ lục 2*);

5.2. Đối với thí sinh dự tuyển là người Nước ngoài:

- Các thí sinh dự tuyển là người Nước ngoài phải thỏa mãn các điều kiện theo quy định với thí sinh là người Việt nam tại mục 5.1 nêu trên;

- Các thí sinh dự tuyển là người Nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ Tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo khung năng lực Tiếng Việt được quy định tại thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ Giáo dục Đào tạo;

- Việc xác định chuyên ngành đối với thí sinh là người Nước ngoài sẽ đối chiếu các môn học có tên gọi giống hoặc tương đương để xác định chuyên ngành hoặc môn chuyên đổi.



6. Đối tượng và chính sách ưu tiên:

6.1. Đối tượng ưu tiên:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.

c) Con liệt sĩ.

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động.

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

6.2. Mức ưu tiên:

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên được ưu tiên xét tuyển theo thứ tự ưu tiên như tại mục 4 của thông báo này.

7. Hồ sơ, cách thức đăng ký và thời gian nhận hồ sơ:

7.1. Hồ sơ tuyển sinh gồm có:

- Phiếu đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ (*theo mẫu*);
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan công tác (*theo mẫu*);
- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của cơ sở y tế có thẩm quyền trong thời gian không quá 6 tháng;
- 01 Bản sao y bản gốc đại học + 01 bản sao y bản gốc điểm (*Nếu thí sinh học liên thông đại học thì cần nộp cả bằng tốt nghiệp + bằng điểm cao đẳng/trung cấp/liên thông*);
- 01 Bản sao y văn bằng/chứng chỉ ngoại ngữ;
- 01 Giấy xác nhận thâm niên công tác tại đơn vị (*nếu có*);
- 01 Giấy chứng nhận, bằng điểm các môn học bổ túc kiến thức (*nếu có*).

7.2. Cách thức đăng ký hồ sơ:

- **Nộp trực tiếp:** Trung tâm Tuyển sinh & Truyền thông, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh.
- **Nộp online:** Thí sinh đăng ký dự tuyển nộp hồ sơ tại đường dẫn:
<https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSdRiaPzibE8YoweKIp5n0hhYSMYc0HqIpfmPgj09fSyeYjYBg/viewform>

7.3. Thời gian nhận hồ sơ:

- Thời gian: từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.
 - + Buổi sáng từ 07h00 đến 11h30;
 - + Buổi chiều từ 13h00 đến 16h30.
- Đợt 1: Nhận hồ sơ từ ngày ra thông báo đến hết ngày 15/4/2022.
- Đợt 2: Từ ngày 13/6/2022 đến hết ngày 13/8/2022
- Đợt 3: Từ ngày 17/10/2022 đến hết ngày 17/12/2022

8. Lệ phí xét tuyển:

- Lệ phí học bổ sung kiến thức: 500.000 đồng/tín chỉ.
- Lệ phí xét tuyển sinh: 1.500.000 đồng/thí sinh.

9. Thời gian công bố kết quả xét tuyển và nhập học năm 2022:



Sst	Thời gian	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3
1	Nộp hồ sơ.	Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 15/4/2022	Từ ngày 13/6/2022 đến hết ngày 13/8/2022	Từ ngày 17/10/2022 đến hết ngày 17/12/2022
2	Xét tuyển hồ sơ và công bố kết quả trúng tuyển.	Trước 16h30 ngày 10/05/2022.	Trước 16h30 ngày 05/9/2022.	Trước 16h30 ngày 31/12/2022.

Mọi chi tiết liên hệ phòng Tuyển sinh và Truyền thông (Tầng trệt nhà F), Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 140 Lê Trọng Tấn, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 028.38161673 - 124; 028.354082904, Hotline: 0962051080

Email: ttstt@hufi.edu.vn. Website: <https://ts.hufi.edu.vn/>

Fanpage: <https://vi-vn.facebook.com/TuyensinhHUFII/>

Lưu ý:

- Các văn bằng, bằng điểm do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định của Bộ GD&ĐT Việt Nam.

- Không hoàn trả lại hồ sơ và lệ phí cho người dự tuyển.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu: VT, TS&TT.



Chái Doãn Chanh



PHỤ LỤC 1:



DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 217 /TB-DCT, ngày 24 tháng 5 năm 2022 của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Chuyên ngành	Ngành phù hợp	Ngành gần	Môn học bổ sung
1	Kỹ thuật hóa học	Công nghệ hóa học, Công nghệ kỹ thuật hóa học.	Hóa học, Thực phẩm, Thủy sản, Môi trường, Sinh học, Hóa dược, Vật liệu.	1. Hóa lý (2TC); 2. Kỹ thuật lạnh (2TC) + Kỹ thuật phản ứng (2TC).
2	Kỹ thuật Môi trường	Công nghệ môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Khoa học môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường, Cấp thoát nước, Kỹ thuật tài nguyên nước.	Kỹ thuật hóa học, Công nghệ sinh học, Sinh học, Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Công nghệ chế biến thủy sản, Nuôi trồng thủy sản, Quy hoạch vùng và đô thị, Kỹ thuật công trình xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Quản lý đất đai, Xây dựng, Quan hệ lao động, Vật liệu, Khí tượng thủy văn.	1. Vi sinh kỹ thuật môi trường (2TC); 2. Hóa kỹ thuật môi trường (3TC); 3. Sinh thái môi trường (2TC); 4. Cơ sở công nghệ môi trường (2TC).
3	Công nghệ sinh học	Kỹ thuật y sinh, Kỹ thuật sinh học, Sinh học, Sinh học ứng dụng, Sư phạm sinh học.	<u>Nhóm ngành nông nghiệp</u> (Nông nghiệp, Nông học, Chăn nuôi, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Thú y). <u>Nhóm ngành lâm nghiệp</u> (Lâm nghiệp, Lâm sinh, Nông lâm nghiệp, Công nghệ chế biến lâm sản). <u>Nhóm ngành y học</u> (Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y sinh học thể dục thể thao, Kỹ thuật y học, Dược học). <u>Nhóm ngành hóa học</u> (Hóa học, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật hóa học, sư phạm hóa học). <u>Nhóm ngành môi trường</u> (Khoa học môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật môi trường). <u>Nhóm ngành Thực phẩm, Thủy sản</u> (Công nghệ sau thu hoạch, Công nghệ chế biến thủy sản, Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản).	1. Vi sinh công nghiệp (3TC); 2. Sinh học phân tử (3TC).
4	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ sau thu hoạch, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, Công nghệ chế biến thủy sản, Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực, Khoa học chế biến món ăn và quản trị ẩm thực.	<u>Nhóm 1:</u> Công nghệ sinh học, Kỹ thuật sinh học, Công nghệ hóa học. <u>Nhóm 2:</u> Hóa học, Hóa dược, Môi trường, Sinh học, Kỹ thuật nữ công, Nuôi trồng thủy sản.	1. Công nghệ chế biến thực phẩm (2TC); 2. Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm (2TC); 3. Đánh giá cảm quan thực phẩm (2TC). 1. Công nghệ chế biến thực phẩm (2TC); 2. Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm (2TC); 3. Đánh giá cảm quan thực phẩm (2TC);

TT	Chuyên ngành	Ngành phù hợp	Ngành gần	Môn học bổ sung
				4. Kỹ thuật thực phẩm 1 (2TC); 5. Kỹ thuật thực phẩm 2 (2TC); 6. Phân tích thực phẩm (2TC).
5	Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ chế tạo máy.	Kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật nhiệt, Công nghệ kỹ thuật nhiệt, Kỹ thuật hàng không, Kỹ thuật tàu thủy, Kỹ thuật hệ thống công nghiệp, Cơ kỹ thuật.	1. Các phương pháp gia công đặc biệt (2TC); 2. Nguyên lý cắt kim loại (2TC); 3. Công nghệ CAD/ CAM/ CNC (2TC).
6	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành Marketing - Ngành Bất động sản - Ngành Kinh doanh quốc tế - Ngành Kinh doanh thương mại - Ngành Thương mại điện tử - Ngành Kinh doanh thời trang và dệt may - Ngành Tài chính – Ngân hàng - Ngành Bảo hiểm - Ngành Kế toán - Ngành Kiểm toán - Ngành Khoa học quản lý - Ngành Quản lý công - Ngành Quản trị nhân lực/Quản lý nguồn nhân lực - Ngành Hệ thống thông tin quản lý - Ngành Quản trị văn phòng - Ngành Quan hệ lao động - Ngành Quản lý dự án 	1. Quản trị nguồn nhân lực (2TC); 2. Quản trị chiến lược (2TC); 3. Quản trị vận hành (2TC); 4. Quản trị bán hàng (2TC).
		<p><u>Khối ngành khác:</u> (Khối ngành khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật; Khối ngành Khoa học xã hội và Nhân văn).</p>	1. Kinh tế vi mô (2TC); 2. Kinh tế vĩ mô (2TC); 3. Marketing căn bản (2TC); 4. Lý thuyết tài chính tiền tệ (2TC); 5. Nguyên lý kế toán (2TC); 6. Quản trị học (2TC); 7. Quản trị nguồn nhân lực (2TC); 8. Quản trị chiến lược (2TC); 9. Quản trị vận hành (2TC); 10. Quản trị bán hàng (2TC).	
7	Tài chính ngân hàng	Các ngành có chương trình đào tạo khác dưới 10% so với chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng	1. Kế toán – Kiểm toán; 2. Quản trị kinh doanh; 3. Các ngành có chương trình đào tạo khác từ 10% đến 40% so với chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng.	1. Tài chính doanh nghiệp (2TC); 2. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (2TC); 3. Quản trị học (2TC); 4. Phân tích báo cáo tài chính (2TC).
		<p><u>Khối ngành khác:</u> Các ngành có chương trình đào tạo khác trên 40% so với chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng.</p>	1. Kinh tế vĩ mô (2TC); 2. Kinh tế vi mô (2TC); 3. Lý thuyết tài chính-tiền tệ (2TC); 4. Nguyên lý kế toán (2TC);	



TT	Chuyên ngành	Ngành phù hợp	Ngành gần	Môn học bổ sung
				5. tài chính doanh nghiệp (2TC); 6. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (2TC); 7. Quản trị marketing (2TC); 8. Quản trị học (2TC).
8	Kỹ thuật điện	1. Điện công nghiệp; 2. Kỹ thuật điện; 3. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; 4. Điện kỹ thuật; 5. Điện công nghiệp; Hệ thống điện; 6. Thiết bị điện; 7. Thiết bị mạng và nhà máy điện; 8. Điện khí hóa; 9. Điện khí hóa và cung cấp điện	1. Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; 2. Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; 3. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; 4. Kỹ thuật điện tử - viễn thông 5. Kỹ thuật điện tử truyền thông; 6. Tự động hóa; 7. Kỹ thuật điện tử; 8. Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; 9. Kỹ thuật cơ điện tử; 10. Kỹ thuật công nghiệp; 11. Kỹ thuật hệ thống công nghiệp; 12. Kỹ thuật y sinh; Các ngành có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện.	1. Hệ thống điện (2TC).
9	Công nghệ thông tin	1. Công nghệ Thông tin 2. Khoa học Máy tính 3. Kỹ thuật Phần mềm 4. Hệ thống Thông tin 5. Truyền thông và Mạng Máy tính 6. Kỹ thuật Máy tính 7. An toàn thông tin thuộc trường Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp.HCM Các ngành khác mà chương trình đào tạo của ngành này khác với hai ngành đứng kể trên dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành thì được xếp vào cùng ngành đúng.	1. Hệ thống Thông tin Quản lý 2. Toán Ứng dụng 3. An toàn thông tin 4. Tin học 5. Tin học ứng dụng 6. Tin học quản lý 7. Tin học công nghiệp 8. Toán - tin 9. Toán - Điều khiển máy tính 10. Xử lý thông tin 11. Kỹ thuật thông tin 12. Hệ thống thông tin địa lý Các ngành khác mà chương trình đào tạo của ngành này khác với hai ngành đứng kể trên từ 10% - 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành thì được xếp vào cùng ngành gần.	1. Cơ sở dữ liệu (4TC); 2. Lập trình hướng đối tượng (4TC); 3. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (4TC); 4. Kiến trúc máy tính (3 TC); 5. Hệ điều hành (4TC); 6. Mạng máy tính (4TC).
10	Quản trị Khách sạn - Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	1. Ngành Quản trị khách sạn 2. Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ Ăn uống 3. Khoa học chế biến món ăn 4. Các ngành khác mà chương trình đào tạo của ngành này khác với ba ngành đứng kể trên dưới	1. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2. Việt Nam học chuyên ngành Hướng dẫn 3. Du lịch 4. Công nghệ Thực phẩm 5. Quản trị kinh doanh thực phẩm 6. Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực 7. Quản trị khu vui chơi giải trí	1. Quản trị kinh doanh dv ăn uống (4 TC); 2. Quản Trị F&B (4 TC); 3. Quản trị Khách sạn (4 TC); 4. Quản trị tiền sảnh (3 TC); 5. Quản trị tiệc (4 TC); 6. Quản trị chất lượng dịch vụ (4 TC).



TT	Chuyên ngành	Ngành phù hợp	Ngành gần	Môn học bổ sung
		10% - 25% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành thì được xếp vào cùng ngành đúng.	Các ngành khác mà chương trình đào tạo của ngành này khác với hai ngành đứng kể trên từ 10% - 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành thì được xếp vào cùng ngành gần.	
<p>Lưu ý: - Việc xác định môn học bổ sung sẽ dựa vào bảng điểm của học viên; - TC: tín chỉ.</p>				



PHỤ LỤC 2:**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH VÀ NGOẠI NGỮ KHÁC**

Bản hành kèm theo Thông báo số: 217 /TB-DCT, ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2